

THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU VỀ SINH HOẠT, NHÀ Ở CỦA CÔNG NHÂN LAO ĐỘNG DI CƯ

TẠI CÁC KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CHẾ XUẤT
CỦA NƯỚC TA HIỆN NAY

DR.ARCH. LE THI BICH THUAN; ENG. NGUYEN THI THANH HOA,
BC. NGO DUY TAN CUONG

CURRENT STATUS AND NEEDS FOR LIVING AND HOUSING OF MIGRANT WORKERS IN INDUSTRIAL PARKS AND EXPORT PROCESSING ZONES IN OUR COUNTRY

The article analyzes and evaluates the housing situation for migrant workers who are renting in industrial centers, industrial parks, export processing zones, and residential areas with a high concentration of workers. Evaluates the consequences and issues arising from housing conditions to the employment and life situation of migrant workers, security and order in residential areas with a high concentration of workers. Factors affecting the housing conditions of migrant workers, Party and State policies on housing for workers.

Keywords: Migrant workers, housing for workers.

Bài báo phân tích đánh giá về tình trạng nhà ở cho công nhân lao động di cư đang sinh sống thuê trọ tại địa bàn các trung tâm công nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, các khu dân cư tập trung đông công nhân lao động. Đánh giá những hệ quả và vấn đề đặt ra từ điều kiện nhà ở đến tình hình việc làm đời sống của công nhân lao động di cư, an ninh trật tự ở địa bàn dân cư tập trung đông công nhân lao động. Những yếu tố tác động đến điều kiện nhà ở của công nhân lao động di cư, các chính sách Đảng và nhà nước về nhà ở cho công nhân.

Từ khóa: Công nhân lao động di cư, nhà ở cho công nhân lao động.

Trải qua hơn 30 năm đổi mới với tầm vóc và vị thế có nhiều thay đổi, Việt Nam đã đạt được những kết quả quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và đang hướng tới các mục tiêu trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại hóa gắn với nền kinh tế tri thức. Qua số liệu báo cáo của các địa phương hiện nay cả nước có 563 khu công nghiệp (KCN) nằm trong quy hoạch tại 61/63 tỉnh thành, trong đó có 416 KCN, KCX được thành lập (bao gồm 369 KCN nằm ngoài các KKT, 39 KCN nằm trong các KKT ven biển, 8 KCN nằm trong các KKT cửa khẩu). Tuy nhiên việc phát triển KCN thời gian qua cũng bộc lộ một số hạn chế. Về mặt xã hội đã gây ra áp lực cho chính quyền địa phương trong công tác quản lý và đảm bảo điều kiện sống cho công nhân. Đã có hiện tượng cả một làng cạnh KCN trở thành khu ở cho công nhân, biến làng quê nông nghiệp trở thành khu dân cư công nghiệp tự phát, làm biến đổi cấu trúc cảnh quan nông thôn.

Đảng và Nhà nước Việt Nam luôn quan tâm, có các chính sách phát triển nhà ở nói chung, nhà ở xã hội và nhà ở công nhân nói riêng với hàng loạt các cơ chế, chính sách ưu đãi. Với quyết tâm cao và bằng nhiều nguồn lực lớn được huy động, chương trình phát triển nhà ở xã hội, trong đó có nhà ở công nhân được triển khai đã mang lại những kết quả tích cực, những hiệu quả quan trọng không chỉ về ý nghĩa xã hội mà còn giúp đảm bảo an sinh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

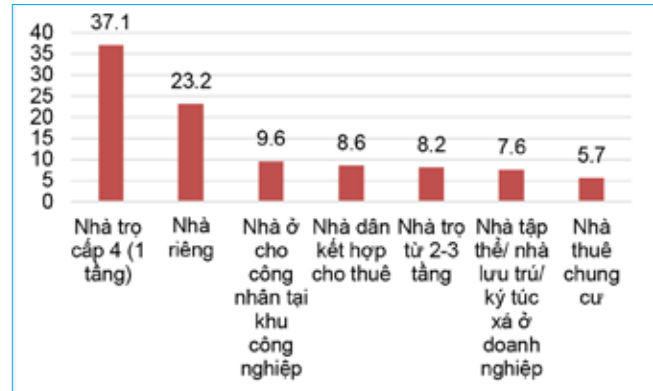
Bài viết này sử dụng thông tin dữ liệu từ đề tài nghiên cứu khoa học cấp Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam giao Viện Nghiên cứu Đô thị và Phát triển hạ tầng thực hiện “Vấn đề nhà ở cho công nhân lao động di cư - Thực trạng và giải pháp” - được khảo sát tại địa bàn các tỉnh, thành phố tập trung nhiều khu công nghiệp, có đông lao động, đặc biệt là lao động di cư; và các địa bàn đang có chủ trương đầu tư phát triển các dự án thiết chế công đoàn. Trong đó miền Bắc bao gồm: Bắc Giang, Hà Nam; miền Trung: Đà Nẵng, Quảng Trị; miền Nam: Tiền Giang, Bình Dương, với cơ cấu mẫu 1.184 người. Trong đó bao gồm các nhóm đối tượng: (i) người lao động thuộc nhiều lĩnh vực ngành nghề, nhiều loại hình doanh nghiệp tại các khu công nghiệp, doanh nghiệp, khu trọ; (ii) chủ sử dụng lao động tại các doanh nghiệp; (iii) cán bộ công đoàn cơ sở tại doanh nghiệp.

1. Thực trạng nhà ở của công nhân lao động hiện nay

■ 37,1% công nhân lao động di cư đang ở trong các khu nhà trọ cấp bốn

Theo điều tra, đến nay tỷ lệ lao động trong các khu công nghiệp có thể mua, thuê được nhà vẫn còn thấp. Kết quả khảo sát cho thấy 53,9% người lao động (NLĐ) di cư đang ở trong các phòng trọ loại nhà cấp 4, nhà dân kết hợp cho thuê, nhà lợp tôn hoặc Bro-xi-măng; trong đó chỉ có 8,2% NLĐ di cư ở trong các phòng trọ được xây dựng theo các dãy nhà từ 2-3 tầng. Theo quan sát thì đây là những khu nhà mới xây dựng, diện tích phòng khá rộng, thiết kế đủ công năng cơ bản

cho gia đình ở (nhiều nhà trọ có cả gác xép để tăng diện tích sử dụng). Ngược lại, đối với các nhà trọ dạng cấp 4 (1 tầng), mặc dù đa phần đã được trang bị nhà vệ sinh khép kín nhưng diện tích sinh hoạt lại rất hạn chế.



Biểu 1: Tình trạng nhà ở của người lao động (%)
Nguồn: Số liệu khảo sát năm 2024

Tình trạng nhà ở cũ, xuống cấp còn tồn tại, ảnh hưởng nhiều đến đời sống của CNLĐ. Có một xu hướng xuất hiện từ sau đại dịch Covid 19 đến nay là tình trạng lao động di cư về quê tránh dịch nhưng chỉ có một lượng công nhân nhất định quay trở lại các khu công nghiệp làm việc. Kết hợp với đó là tình trạng thiếu việc làm, mất việc làm và dịch chuyển sản xuất về các tỉnh thành vốn không phải là các trung tâm công nghiệp đã làm xuất hiện những khu nhà trọ cho công nhân trước đây vốn đông đúc trở nên vắng vẻ. Tỷ lệ phòng trọ có người thuê giảm sút rõ rệt, nhiều khu nhà trọ ở Bình Dương, Đồng Nai có lượng công nhân thuê trọ rất thấp. Nhà ở không có người thuê trọ càng làm cho tình trạng xuống cấp nhanh hơn.

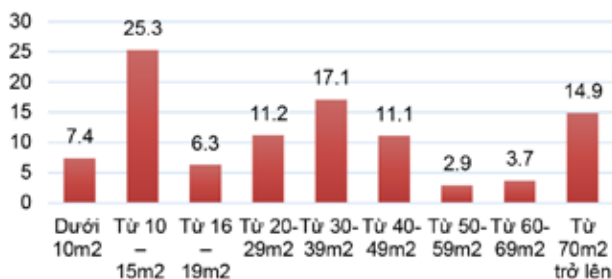
Trái ngược với các khu trọ, nhà ở cho công nhân tại các khu công nghiệp và nhà ở tập thể/nhà lưu trú/ký túc xá ở doanh nghiệp có tiện nghi và sạch sẽ hơn, tuy nhiên không phải ai cũng được bố trí ở các khu nhà này. Chỉ khoảng 10% người lao động/mỗi loại hình nhà ở cho biết họ đang ở trong các khu nhà này với diện tích từ 25-40m², ở giường tầng, sinh hoạt tập thể, với đồ đạc trang bị cơ bản. Nhược điểm duy nhất theo chia sẻ là hạn chế giờ giấc ra vào và ở theo hộ gia đình.



Hình 1: Khu nhà trọ tại Tiền Giang và Bắc Giang

■ 7,4% công nhân lao động sống trong các phòng trọ dưới 10m²

Về diện tích nhà ở, có 39% NLĐ tham gia khảo sát đang ở trong các ngôi nhà/phòng trọ có diện tích dưới 20m², thậm chí



Biểu 2: Diện tích nhà ở của người lao động (%)
Nguồn: Số liệu khảo sát năm 2024

trong đó có 7,4% NLD ở trong các căn phòng dưới 10m². Chỉ có một số ít NLD di cư đã kết hôn với người địa phương, hoặc làm lâu năm đủ tích lũy mua nhà ở trong các ngôi nhà có diện tích từ 40-50m² trở lên.

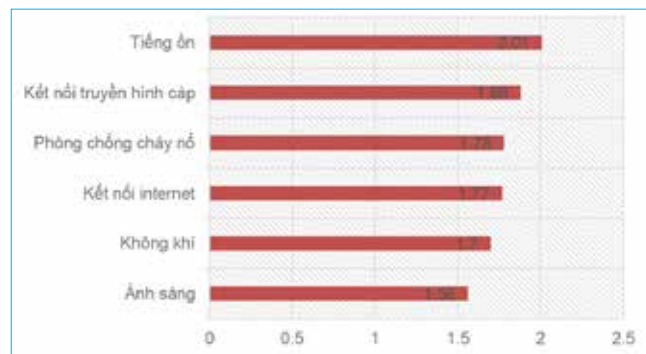
Do diện tích sử dụng nhà nhỏ chưa đến 30m², thậm chí chỉ dưới 10m² nên những ngôi nhà này không có phòng riêng cho từng cá nhân, cũng như không có khu vực học tập riêng cho trẻ em. Tất cả các hoạt động sinh hoạt, bao gồm nấu nướng, chăm sóc con cái, sinh hoạt gia đình và nghỉ ngơi, đều phải diễn ra trong một không gian duy nhất. 21,1% người lao động cho biết đang phải sống trong các ngôi nhà không có phòng riêng cho từng cá nhân; 13,2% cho biết nhà không có phòng khách, không có phòng sinh hoạt chung. Với những gia đình có 3 người lớn, không gian sinh hoạt là không đủ, thường xuyên phải ngồi nghỉ ngơi tại hành lang khu trọ, chỉ về nhà khi đi ngủ. 10,2% số gia đình cho biết không có phòng để con cái học tập. Đối với trẻ nhỏ dưới lớp 2, bố mẹ có thể dạy kèm nhưng lớn hơn, mỗi khi trẻ học, người lớn phải ra khỏi nhà, đóng cửa để không gây ồn ào, ảnh hưởng đến việc học của trẻ. Điều này không chỉ làm giảm chất lượng cuộc sống mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển của trẻ em, khi các em không có không gian học tập và sinh hoạt riêng tư.

■ **Hơn 30% người lao động cho rằng các chi phí về điện, nước, nhà ở là chi phí đắt nhất trong các khoản chi của họ**
Theo khảo sát của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam vào tháng 10/2023 cho thấy, tỷ lệ công nhân lao động ở các địa phương đông công nhân sở hữu nhà ở là rất thấp. Họ phải đi thuê nhà với mức tiền thuê nhà trung bình là 1,808 triệu đồng/tháng (bao gồm cả điện nước). Tại một số thành phố trực thuộc trung ương như Hà Nội, Đà Nẵng, con số này từ 1,5 triệu đến 2 triệu đồng/tháng (chưa bao gồm điện nước). Số tiền này chiếm 23,6% tiền lương và 17,9% thu nhập hàng tháng. Diện tích phòng trọ trung bình tính trên đầu lao động là 10,66m²/người. Ngoài ra, chi phí sử dụng điện, nước cũng là một vấn đề cần được quan tâm. Mặc dù, đa phần người lao động (70,8%) đánh giá nguồn điện sử dụng tương đối ổn định, ít xảy ra tình trạng cháy nổ, cắt điện (trừ một số giai đoạn nhất định vào mùa khô) nhưng giá sử dụng điện lại chưa hợp lý.

Nhà nước đã có những chính sách ưu đãi về giá điện, nước cho người thuê nhà nhưng hầu hết người lao động

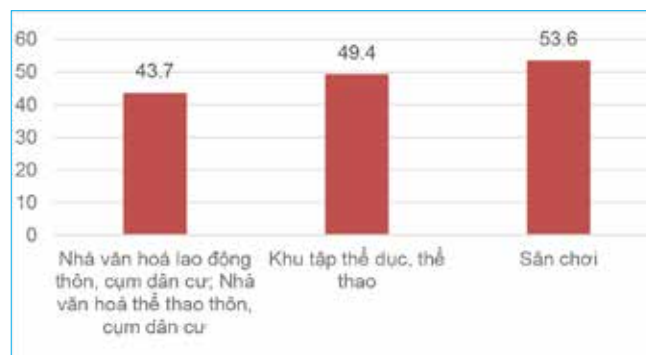
phải trả giá cao hơn. Hoặc có nơi chủ nhà trọ khoán theo đầu người. Tương tự như vậy, tiền điện cũng thường được khoán theo từng số điện (ví dụ có xóm trọ, người lao động phải trả 3.000 đồng/kW điện sử dụng, trong khi đó, giá tiền điện nhà nước tại cùng thời điểm là 1.726đ - 2.074đ/kW). Về nguồn nước, phần lớn các hộ gia đình gần các khu công nghiệp đều có nước máy để sử dụng tuy nhiên vẫn có 20,1% người lao động trả lời cho biết hiện nhà trọ để tiết kiệm chi phí đã sử dụng nguồn nước giếng khoan, giếng khơi, giếng đất, nước mưa hoặc thậm chí là nước tại sông suối (có hệ thống lọc) để sinh hoạt. Khi được hỏi có tới 9,7% người lao động cho rằng nguồn nước này không đảm bảo an toàn, vệ sinh nếu sử dụng lâu dài.

Hiện nay, một số khu nhà trọ của người lao động đã được nâng cấp, cải thiện rõ rệt về điều kiện sống. Nhà trọ của người lao động thường là nhà cấp 4 hoặc 2-3 tầng được xây theo dãy, có một lối đi chung. Phần lớn các nhà trọ tuy chật nhưng cũng được bố trí công trình phụ, khép kín, diện tích khoảng 3-5m². Các nhà vệ sinh đều xây tự hoại nhưng vì diện tích nhỏ, lại đông người nên gần 40% người lao động cho biết khu vực vệ sinh chỉ đảm bảo đầy đủ công năng chứ chưa sạch sẽ. Rất ít nhà trọ có khu vực bếp riêng, 6,58% lao động cho biết chỗ trọ không cho thiết kế lắp đặt bếp sơ cháy nổ, không đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy.



Biểu 3: Điều kiện về ánh sáng, không khí, tiếng ồn, phòng cháy chữa cháy, kết nối internet hiện nay tại nơi ở (Đơn vị: điểm)

Nguồn: Số liệu khảo sát đề tài năm 2024



Biểu 4: Không gian công cộng chưa đảm bảo quanh khu vực người lao động sinh sống (Đơn vị: %)

Nguồn: Số liệu khảo sát đề tài năm 2024

Mọi sinh hoạt của người lao động gói gọn trong không gian chật hẹp, khép kín, phòng trọ chỉ có 1 cửa sổ nhỏ (mở hướng lối đi lại chung, thường hay đóng do hướng ra lối đi, hoặc ảnh hưởng bởi tiếng ồn) nên rất thiếu không khí và ánh sáng. Trên thang điểm từ 1-4, trong đó 1 là tiêu cực nhất, 4 là điểm đánh giá tốt nhất, người lao động đánh giá chỉ có yếu tố về tiếng ồn ở mức điểm trên trung bình (2,1/4 điểm). Đối với người lao động mặc dù gần các khu công nghiệp nhưng theo lý giải vì ở lâu đã quá quen với thực trạng này nên cũng dần thích nghi và cảm thấy bình thường.

Các yếu tố khác đều dưới mức trung bình, vì phòng nhỏ chỉ một cửa sổ, lối đi chung chỉ có một lối thoát ra, nhà thấp, do vậy yếu tố về ánh sáng và không khí, phòng chống cháy nổ là các yếu tố bị chấm điểm thấp nhất. Chỉ ở mức 1,56 đến 1,7/4 điểm.

Do điều kiện nhà ở, sinh hoạt còn khó khăn nên hơn 1/3 người lao động di cư cho rằng chỗ ở hiện nay chỉ đóng vai trò là chỗ nghỉ ngơi và là nơi làm việc để kiếm sống (32,8% - 34,5%). Nhiều người không có ý định ở lại, một phần vì sinh hoạt đắt đỏ, hoặc do đã có nhà ở quê, chỉ coi nhà trọ là nơi ở tạm để đi làm và cho con cái học tập. Khi sức khỏe không đảm bảo công việc nữa sẽ quay trở về.

■ 43,7% không có nhà văn hóa khu dân cư

Bên cạnh nơi ở, không gian và môi trường sống xung quanh cũng đóng vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu cuộc sống của người lao động. Hầu hết tại các KCN, thiết chế văn hóa còn thiếu, ảnh hưởng đến năng suất lao động và chất lượng sống của công nhân.

Theo kết quả khảo sát, trong bán kính 3-5km quanh nơi ở của người lao động, có tới 43,7% cho biết khu vực họ sinh sống thiếu các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ đời sống như nhà văn hóa khu dân cư. Những nhà văn hóa này, mặc dù tồn tại nhưng chủ yếu phục vụ đời sống văn hóa tinh thần của dân cư địa phương, không phải là các nhà văn hóa công nhân được thiết kế riêng cho người lao động, mà chỉ là những tiện ích mà họ thụ hưởng như một giá trị gia tăng.

Đối với một số KCN đã được đầu tư thiết chế văn hóa thể thao, nhưng nhìn chung cơ sở vật chất còn nghèo nàn, mô hình hoạt động thiếu sức hút. Gần 50% người lao động cho biết không có khu vực tập thể dục, thể thao công cộng gần nơi ở, chỉ có các phòng tập gym tư nhân với chi phí cao, khiến nhiều người không thể tiếp cận. Đặc biệt 53,6% báo cáo rằng không có sân chơi dành cho trẻ em, khiến con cái của họ thiếu không gian vui chơi an toàn và lành mạnh. Những thiết chế này, mặc dù rất cơ bản, lại chưa được đảm bảo đầy đủ tại nhiều khu vực gần các khu công nghiệp và khu chế xuất, nơi tập trung đông người lao động.

Nhiều doanh nghiệp chỉ chú trọng tập trung cho sản xuất, chưa quan tâm đến nhu cầu sinh hoạt, giải trí cho người lao động, các hoạt động vui chơi giải trí cho công nhân chưa được đầu tư nhiều. Điều kiện bố trí thời gian để công nhân tham gia vui chơi, giải trí còn rất hạn chế. Thực trạng trên cho thấy, đời sống

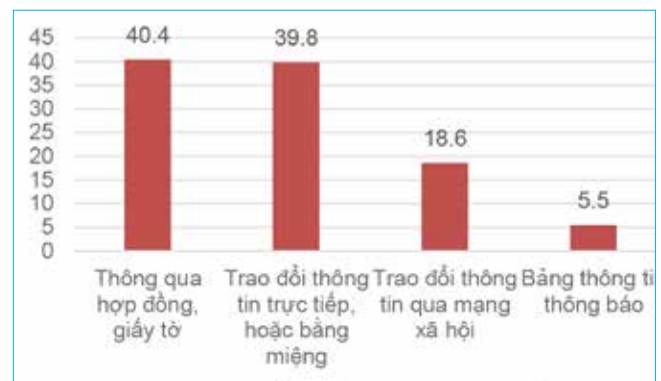
vật chất, tinh thần của công nhân lao động trong các doanh nghiệp còn rất nhiều khó khăn, thiếu thốn.

Ngoài ra, môi trường sống quanh khu vực người lao động cư trú thường thiếu các không gian xanh và không gian công cộng, dẫn đến việc giảm chất lượng cuộc sống và hạn chế cơ hội nghỉ ngơi, giải trí sau giờ làm việc căng thẳng. Việc thiếu các thiết chế văn hóa, thể thao và các tiện ích công cộng đã và đang trở thành một vấn đề cần được giải quyết để nâng cao chất lượng sống cho người lao động, đặc biệt là tại các khu vực công nghiệp, nơi mà nhu cầu về một môi trường sống tốt là vô cùng cấp thiết.

■ 50% khu trọ có mô hình quản lý lỏng lẻo

Các khu vực nhà ở cho công nhân trong các khu công nghiệp hoặc nhà ở của doanh nghiệp (12,5%) có bộ máy quản lý, hệ thống giám sát, hợp đồng thuê nhà với người lao động đảm bảo đúng pháp luật, ràng buộc chặt chẽ quyền lợi người thuê và cho thuê. Tại các khu nhà trọ do người dân tự phát, công tác quản lý, giám sát nơi ở còn lỏng lẻo. Hơn 50% người lao động di cư cho biết khu trọ được quản lý trực tiếp bởi chủ trọ, giám sát mang yếu tố chủ quan, không có quy định hay giấy tờ ràng buộc, 27,9% do cá nhân thuê tự quản lý, giám sát nơi ở, chủ nhà trọ chỉ liên hệ khi đến ngày thu tiền, hoặc các loại phí dịch vụ khác. Thực tế 31% NLD cho biết nơi ở không có quy định kiểm soát người ra vào, camera giám sát chỉ để ghi lại hình ảnh, không có tác dụng kiểm soát. Điều này tiềm ẩn nhiều nguy cơ rủi ro bất lợi về phía người lao động.

Khi xảy ra mất mát hoặc có vấn đề gì thì người công nhân phải tự xử lý hoặc chỉ được hỗ trợ báo với chính quyền địa phương. Gần như không có chế tài đền bù khi xảy ra thiệt hại. Bên cạnh đó một phần nguyên nhân đến từ việc khi giao kết thuê nhà trọ, có tới 39,8% người công nhân chỉ trao đổi thuê nhà thống nhất bằng miệng hoặc trao đổi thông tin trực tiếp, điều này là một phần nguyên nhân khiến 19,2% công nhân cho rằng vấn đề thường xảy ra tại khu trọ là xung đột giữa người cho thuê với người quản lý nơi ở. Không có giấy tờ, cam kết ràng buộc công nhân sẽ khó được pháp luật bảo vệ nếu xảy ra tranh chấp về quyền lợi, tài sản giữa các bên.



Biểu 5: Hình thức/phương tiện giao kết thuê nhà (Đơn vị: %)

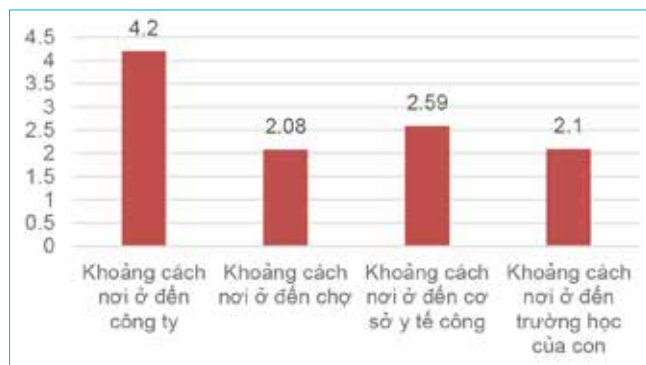
Nguồn: Số liệu khảo sát đề tài năm 2024

Việc xử lý trang thiết bị hư hỏng tại nơi ở được 42% người công nhân chia sẻ họ phải tự sửa các hư hỏng trang thiết bị trong quá trình thuê, trong khi theo họ tiền nhà đã phải bao gồm tiền các trang thiết bị cơ bản gắn theo ngôi nhà đó. 44,6% cho biết trang thiết bị hư hỏng sẽ do chủ trọ hoặc ban quản lý nhà xử lý. 17,5% còn lại sẽ tùy thuộc vào đàm phán của các bên khi trang thiết bị hư hỏng do nguyên nhân chủ quan hay khách quan.

Về an ninh trật tự và an toàn vệ sinh nơi sinh sống, 86% người công nhân cho rằng được cải thiện đáng kể. Từ sau dịch bệnh Covid-19, đặc biệt trong khu vực phía Nam tình hình an ninh trật tự đã được đảm bảo hơn, tình trạng các tệ nạn xã hội giảm đáng kể. Tình trạng lô đề, vay nợ tín dụng đen vẫn còn xảy ra (13,9%-17,5% NLĐ cho biết vẫn còn diễn biến tại khu vực).

2. Tác động điều kiện nơi ở đến việc làm, đời sống

Điều kiện nơi ở của người công nhân không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cá nhân mà còn tác động sâu rộng đến năng suất làm việc và chất lượng cuộc sống. Khi nơi ở gần với nơi làm việc và các địa điểm sinh hoạt hàng ngày, người lao động tránh được nguy cơ mất an toàn khi di chuyển, tiết kiệm thời gian, và có thêm thời gian tái tạo sức lao động, từ đó nâng cao hiệu quả công việc và đảm bảo sức khỏe tổng thể.



Biểu 6: Khoảng cách từ nơi ở đến một số địa điểm sinh hoạt hàng ngày (Đơn vị: km)

Nguồn: Số liệu khảo sát đề tài năm 2024

Đối với người công nhân trong KCN, khả năng tiếp cận các dịch vụ về giáo dục, y tế còn gặp khó khăn phụ thuộc vào khả năng đáp ứng và chính sách của từng địa phương. Hầu hết các KCN hiện nay chưa có quy hoạch về xây dựng nhà ở, nhà trẻ mẫu giáo, cơ sở hạ tầng và các thiết chế văn hóa, xã hội phục vụ công nhân.

Theo kết quả khảo sát, người công nhân di cư đang sống tại những nơi cách các địa điểm sinh hoạt trong bán kính 4-5km, điều này có thể tạo ra những thách thức nhất định. Khoảng cách trung bình từ nơi ở đến nơi làm việc là 4,2km và đến các khu vực thiết yếu khác dao động từ 2-2,6km. Khoảng cách này không quá xa nhưng đối với những người có gia đình và con nhỏ, việc gần các trường học, cơ sở giáo dục và nơi cung cấp nhu yếu phẩm là ưu tiên hàng đầu. Đối với lao động trẻ (dưới 25 tuổi), khoảng cách đến nơi làm việc lại được đặt lên

hàng đầu, vì họ thường quan tâm đến việc giảm thời gian và chi phí di chuyển để tập trung vào công việc.

Khi được hỏi về lý do không ưu tiên ở gần các bệnh viện, nhiều người lao động cho rằng việc này không cần thiết vì bệnh tật là vấn đề có thể xử lý khi cần, dẫn đến tâm lý chung là chỉ tìm cách chữa trị khi xảy ra tình trạng khẩn cấp. Điều này cho thấy một phần hạn chế trong nhận thức về sự quan trọng của việc tiếp cận nhanh chóng các dịch vụ y tế, đặc biệt là trong trường hợp nguy cấp.

Về vấn đề giao thông, dù 62,5% người lao động cho rằng di chuyển khá thuận lợi và không xảy ra tình trạng ùn tắc nhưng vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề liên quan đến mất an toàn giao thông. Các nguy cơ như phóng nhanh, vượt đèn đỏ, xe lớn lấn làn xe nhỏ gây ra nhiều tình huống nguy hiểm, đặc biệt là vào giờ tan trường của trẻ nhỏ. Những vấn đề này không chỉ gây căng thẳng cho người lao động mà còn có thể ảnh hưởng tiêu cực đến tinh thần và sức khỏe, khi họ phải đối mặt với những rủi ro hàng ngày trên đường đi làm.

Yếu tố về chi phí sinh hoạt cũng góp phần tạo nên những khó khăn của người lao động. Khi vật giá liên tục leo thang, 65,2% người lao động cho biết họ gặp khó khăn trong sinh hoạt hàng ngày. Khi đánh giá về giá cả dịch vụ xung quanh khu vực chỗ ở, 40,8% đánh giá giá cả sinh hoạt tại chợ ngày càng đắt đỏ; 35,3% cho rằng tiền học phí cho trẻ là yếu tố cao thứ hai, kế đến là chi phí khám, chữa bệnh, điều trị y tế (29,6%). Đây là những yếu tố then chốt quyết định ảnh hưởng tới cuộc sống của công nhân lao động di cư tại địa bàn các khu công nghiệp hiện nay.

3. Nhu cầu về nhà ở của công nhân lao động di cư

■ 62,9% người lao động có nhu cầu thuê/ thuê mua nhà ở

Hiện nay nhu cầu nhà ở của công nhân lao động di cư với các yếu tố được chú trọng như loại hình, chi phí, an toàn, tiện nghi, và môi trường sống là rất bức thiết.

Về loại hình, 62,9% công nhân có nhu cầu thuê hoặc thuê mua nhà. Trong đó, nhu cầu thuê nhà chiếm 40,8%; trong khi nhu cầu thuê rồi sau đó mua lại chiếm 22,1%; mức chi phí mong muốn thuê nhà từ 500.000 đến dưới 2 triệu đồng chi trả từng tháng một. Đáng chú ý là có 37,2% số người lao động di cư mong muốn mua nhà và sẵn sàng vay tín dụng để mua nhà ở xã hội nếu đủ điều kiện, với mức lãi suất chi trả mong muốn từ 2,6-3,7%/năm và thời gian chi trả dưới 20 năm. Điều này cho thấy sự cam kết mạnh mẽ của người lao động trong việc ổn định cuộc sống lâu dài tại nơi họ làm việc.

Về diện tích nhà ở, 71,4% công nhân lao động mong muốn được sử dụng nhà với diện tích từ 30m² trở lên. Trong đó, diện tích từ 30m²-50m² được xem là phù hợp cho gia đình gồm vợ chồng và con nhỏ, trong khi diện tích từ 50m² trở lên là cần thiết cho các gia đình có 3-4 người lớn cùng sinh hoạt.

Đặc biệt, với mong muốn về không gian sống, gần 70% công nhân lao động di cư mong muốn được sống theo hộ gia đình, cho thấy tầm quan trọng của sự đoàn kết và hỗ trợ lẫn nhau trong cuộc sống của họ. Ngoài ra 17,3% muốn ở tập thể, có thể là do nhu cầu tiết kiệm chi phí hoặc tận dụng sự hỗ trợ từ cộng đồng, doanh nghiệp. Một phần nhỏ 8,8% có mong muốn ở một mình, thường là những người cần không gian riêng tư hoặc có lối sống độc lập hơn.

Các yếu tố về an toàn và tiện nghi cũng là mối quan tâm hàng đầu. Công nhân di cư cần những khu nhà có hệ thống an ninh tốt, đảm bảo an toàn cho cả người lớn và trẻ em. Các tiện nghi như hệ thống cấp thoát nước, điện và kết nối internet ổn định, có quy định kiểm soát giờ giấc, người ra vào cũng là yêu cầu cơ bản để đảm bảo cuộc sống tiện lợi và chất lượng. Về môi trường sống, người công nhân mong muốn sống trong những khu vực có không gian xanh, thoáng đãng, ít ô nhiễm, giúp cải thiện sức khỏe và tinh thần sau những giờ làm việc căng thẳng. Việc gần các tiện ích công cộng như trường học, bệnh viện, chợ, và phương tiện giao thông cũng rất được coi trọng, giúp họ dễ dàng tiếp cận các dịch vụ cần thiết mà không mất quá nhiều thời gian di chuyển.

4. Kết luận

Có thể thấy vấn đề nhà ở của công nhân lao động di cư, đặc biệt là tại các khu công nghiệp rất thiếu thốn và điều kiện sống khó khăn. Mặc dù có sự cải thiện nhất định nhưng tỷ lệ công nhân có khả năng sở hữu hoặc thuê nhà phù hợp vẫn còn thấp. Điều

kiện sống tại nhiều khu nhà trọ vẫn còn chật chội, thiếu tiện nghi và không đảm bảo an toàn vệ sinh, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và chất lượng cuộc sống của công nhân lao động.

Để khắc phục những vấn đề này, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Nhà nước, Công đoàn và các doanh nghiệp để thực hiện các chính sách phát triển nhà ở công nhân một cách hiệu quả hơn. Nhà nước cần tăng cường các cơ chế hỗ trợ, đơn giản hóa thủ tục đầu tư và khuyến khích các doanh nghiệp, đặc biệt hỗ trợ công đoàn và các doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực này. Đồng thời, việc cải thiện điều kiện sống cho công nhân di cư cần được ưu tiên, với việc đầu tư vào cơ sở hạ tầng và thiết chế phục vụ đời sống của họ. Cuối cùng, phát triển nhà ở công nhân không chỉ là một nhiệm vụ chính trị mà còn là một công cụ quan trọng để đảm bảo an sinh xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người công nhân. Việc đảm bảo cho mỗi người lao động có một nơi ở ổn định và chất lượng là một phần thiết yếu của việc xây dựng một xã hội công bằng, phát triển bền vững.

Ngày nhận bài: 05/11/2024
Ngày gửi phản biện: 15/11/2024
Ngày duyệt đăng: 25/12/2024

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. laodong.vn/thoi-su/nha-luu-tru-la-giai-phap-nhieu-uu-the-khi-nguon-cung-nha-o-xa-hoi-thieu-hut-1260251.
2. TLĐLĐVN (2023), Báo cáo khảo sát tình hình lao động, tiền lương, thu nhập, chi tiêu và đời sống của người lao động trong các doanh nghiệp năm 2023
3. TS.KTS. Lê Thị Bích Thuận - Vấn đề nhà ở công nhân di cư - Thực trạng và giải pháp- Đề tài nghiên cứu cấp Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.

